TÒA ÁN NHÂN DÂN **THỊ XÃ PHÚ MỸ** **TỈNH BÀ RỊA-VŨNG TÀU**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Bản án số: 03/2023/HC-ST Ngày: 09 - 8 -2023 V/v: Khiếu kiện quyết định và hành vi hành chính trong lĩnh vực quản lý đất đai.	

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ PHÚ MỸ, TỈNH BÀ RỊA - VŨNG TÀU

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị Việt Hà.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Phan Thị Sơn.

2. Ông Nguyễn Thế Phương.

***- Thư ký phiên tòa*:** Bà Trịnh Thị Hằng – Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Phú Mỹ, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Phú Mỹ, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu tham gia phiên tòa: Bà Hoàng Thị Hồng– Kiểm sát viên.

Ngày 09 tháng 8 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Phú Mỹ, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 03/2023/TLST-HC ngày 04/4/2023 về việc "*Khiếu kiện quyết định và hành vi hành chính trong lĩnh vực quản lý đất đai"*.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số 04/2023/QĐXXST-HC ngày 24 tháng 7 năm 2023 giữa các đương sự:

1. Người khởi kiện: Ông Lê Hữu M, sinh năm 1969 (vắng mặt).

Địa chỉ: Tổ D, khu phố T, phường P, thị xã P, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Huỳnh Ngọc P, sinh năm 1981 (có mặt).

Địa chỉ: Tổ F, khu phố H, phường P, thị xã P, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu

(Giấy ủy quyền được công chứng số 000570, quyển số 04/2023TP/CC-SCC/HĐGD ngày 03/4/2023).

2. Người bị kiện: Chủ tịch Ủy ban nhân dân phường P, thị xã P, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu (vắng mặt).

Đại chỉ: Quốc lộ E, khu phố T, phường P, thị xã P, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp: Ông Nguyễn Huy H – Phó Chủ tịch UBNDBà Ngô Thị Trúc P1 – Công chức địa chính – Xây dựng – Đô thị – Môi trường phường (vắng mặt).

3. Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Bà Nguyễn Thị K, sinh

năm 1974 (vắng mặt).

Địa chỉ: Tổ D, khu phố T, phường P, thị xã P, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. Theo đơn khởi kiện và quá trình tham gia tố tụng tại phiên tòa cấp sơ thẩm người khởi kiện ông Lê Hữu M, người đại diện theo ủy quyền ông Huỳnh Ngọc P trình bày:

Ngày 30/3/2021, ông M có đơn yêu cầu Ủy ban nhân dân phường P. Ngày 08/4/2021, Ủy ban nhân dân phường P đã có biên bản làm việc liên quan đến phần đất 4.314,5m^2 thu hồi theo Quyết định số 3446/QĐ-UBND ngày 22/6/2010. Quyết số 3446/QĐ-UBND ngày 22/6/2010 và Quyết định số 7367/QĐ-UBND ngày 06/10/2010 của Ủy ban nhân dân huyện T, ông M đã khiếu nại từ năm 2010 theo giấy biên nhận số 272/BN ngày 08/10/2010 nhưng không được giải quyết khiếu nại. Năm 2012, ông M tiếp tục khiếu nại hai quyết định trên theo giấy biên nhận ngày 24/10/2012. Nhưng từ đó đến nay không có bất kỳ giải quyết khiếu nại, hoặc buổi làm việc nào ngoại trừ văn bản số 1219/UBND-VP ngày 29/10/2012 của Ủy ban nhân dân huyện T.

Ngày 14/02/2023, ông M có đề nghị tổ chức hòa giải tranh chấp đất đai đối với quyền sử dụng đất diện tích 2.663,4m^2 thuộc một phần thửa đất số 68 (cũ 61) (thửa 61 tách thành thửa 267, 264) tờ bản đồ số 31 tại phường P, thị xã P, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu đối với bị đơn là Tổng công ty Đ và khu công nghiệp V. Ủy ban nhân dân phường P cho rằng đất sông rạch nhà nước quản lý, nhưng theo Công văn số 157/BC-TTPTQĐ ngày 10/12/2019 của Trung tâm phát triển quỹ đất thị xã P; báo cáo số 2971/BC-TNMT ngày 30/12/2019 của Phòng Tài nguyên và Môi trường thị xã P trong diện tích đất ông M khởi kiện 2.663,4m^2 thửa 267, 61, và 264 tờ bản đồ số 31 tại phường P có 183m^2 đã bồi thường cho ông Phan Văn L theo Quyết định số 7361/QĐ-UBND ngày 06/10/2010 và Quyết định số 3446/QĐ-UBND ngày 22/6/2010 của Ủy ban nhân dân huyện T.

Như vậy phần đất ông M tranh chấp quyền sử dụng đất không phải là đất nhà nước quản lý. Để ông M đủ điều kiện khởi kiện tranh chấp đất đai đối với quyền sử dụng đất diện tích 2.663,4m^2 thửa 267, 61, và 264 tờ bản đồ số 31 tại phường P tại Tòa án nhân dân thị xã Phú Mỹ, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, đề nghị Chủ tịch Ủy ban nhân dân phường P tổ chức hòa giải, ông M cam kết không khiếu nại Quyết số 3446/QĐ-UBND ngày 22/6/2010 và Quyết định số 7367/QĐ-UBND ngày 06/10/2010 của Ủy ban nhân dân huyện T. Đề nghị Tòa án giải quyết:

- Xác định hành vi của Chủ tịch Ủy ban nhân dân phường P không tổ chức hòa giải cơ sở đối với tranh chấp đất đai của cấp xã/ phường theo đơn đề nghị của ông Lê Hữu M là trái pháp luật.

- Hủy Văn bản số 51/UBND-ĐC ngày 28/3/2023 của Ủy ban nhân dân phường P về việc giải quyết đơn đề nghị hòa giải tranh chấp đất đai của ông Lê Hữu M.

- Buộc Chủ tịch Ủy ban nhân dân phường P tổ chức hòa giải cơ sở đối với tranh chấp đất đai diện tích 2.663,4m^2 thửa 267, 61, và 264 tờ bản đồ số 31 tại

phường P theo đơn đề nghị của ông Lê Hữu M đúng quy định pháp luật.

Ngoài ra không còn yêu cầu khởi kiện nào khác.

2. Trong quá trình tham gia tố tụng tại Tòa án cấp sơ thẩm và Công văn số 232/UBND-ĐC ngày 25/4/2023 người bị kiện Chủ tịch ủy ban nhân dân phường P, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người bị kiện ông Nguyễn Huy H, bà Ngô Thị Trúc P1 trình bày:

Ngày 30/3/2021, ông M có đơn yêu cầu tổ chức hòa giải quyết tranh chấp đất đai. Ngày 08/4/2021, Ủy ban nhân dân phường P đã có biên bản làm việc liên quan đến phần đất 4.314,5m^2 thu hồi theo Quyết định số 3446/QĐ-UBND ngày 22/6/2010, vụ việc đã được giải quyết xong.

Ngày 14/02/2023, ông M có đề nghị hòa giải tranh chấp đất đai đối với quyền sử dụng đất diện tích 2.663,4m^2 thuộc thửa đất số 61, 267, 264 tờ bản đồ số 31 tại phường P, thị xã P, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu với bị đơn là Tổng công ty Đ và khu công nghiệp V. Theo biên bản kiểm kê ngày 22/6/2009 thì Ủy ban nhân dân huyện T thu hồi diện tích 12.170m^2 theo Quyết định số 3444/QĐ-UBND ngày 22/6/2010. Phần đất tranh chấp đã được ủy ban nhân dân huyện B hỗ trợ theo Quyết định số 7367/QĐ-UBND ngày 06/10/2010 cho hộ ông Lê Hữu M. Quyền sử dụng đất tranh chấp đã cấp cho Tổng công ty Đ và khu công nghiệp V theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BL 907276 ngày 19/02/2013. Theo hồ sơ địa chính lưu trữ tại Ủy ban nhân dân phường D 2.663m^2 thuộc một phần thửa 264 tờ bản đồ số 31 là đất sông rạch do nhà nước quản lý, không đủ điều kiện cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, cũng như không đủ điều kiện bồi thường, hỗ trợ. Do đó, ông M đề nghị hòa giải tranh chấp đất đai giữa ông M với Tổng công ty Đ dự án khu công nghiệp P mở rộng là không có cơ sở để thụ lý, giải quyết.

Vì vậy, chủ tịch Ủy ban nhân dân phường P ủy quyền cho Phó chủ tịch ký ban hành văn bản số 51/UBND-ĐC ngày 28/3/2023 để trả lời đơn đề nghị hòa giải tranh chấp đất đai của ông M. Đề nghị Tòa án không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông M.

3. Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị K trình bày:

Bà K đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định pháp luật.

4. Tại phiên tòa:

Người đại diện theo ủy quyền ông Huỳnh Ngọc P vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện của ông Lê Hữu MinhÔng M khởi Văn bản số 51/UBND-ĐC ngày 28/3/2023, việc xác định văn bản ban hành với tư cách Ủy ban nhân dân phường P hay Chủ tịch Ủy ban nhân dân phường P thì đề nghị Tòa án xem xét theo quy định.

Các bên đương sự không cung cấp tài liệu, chứng cứ mới, không thống nhất được với nhau về việc giải quyết vụ án.

5. Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Phú Mỹ, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu phát biểu quan điểm:

Về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án và người tham gia tố tụng là đúng quy định của Luật tố tụng hành chính.

Về nội dung: Đơn đề nghị hòa giải cơ sở ngày 14/02/2023 ông M nộp tại Ủy ban nhân dân phường P nơi có đất tranh chấp là đúng thẩm quyền. Chủ tịch Ủy ban nhân dân phường P căn cứ nguồn gốc đất thuộc nhà nước quản lý, và đã công nhận quyền sử dụng đất cho Tổng công ty Đ và khu công nghiệp V để từ chối hòa giải tranh chấp đất đai làm mất quyền khởi kiện của người dân, vi phạm quy định tại Điều 202, 203 của Luật Đất đai. Mặt khác, không có bất kỳ văn bản nào quy định trường hợp phải từ chối hòa giải. Văn bản số 51/UBND-ĐC ngày 28/3/2023 có một phần nội dung thuộc đối tượng khởi kiện. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông M hủy một phần Văn bản số 51/UBND-ĐC ngày 28/3/2023 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân phường P phần nội dung: "Ủy ban nhân dân phường không có cơ sở hòa giải tranh chấp đất đai theo yêu cầu của ông Lê Hữu M"; tuyên hành vi không tiến hành hòa giải cơ sở của Chủ tịch là trái pháp luật; buộc chủ tịch Ủy ban nhân dân phường P tổ chức hòa giải tranh chấp đất đai theo quy định pháp luật. Về án phí, đương sự phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có tại hồ sơ đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

Về tố tụng:

[1] Về thời hiệu khởi kiện, đối tượng bị kiện, và người bị kiện, thẩm quyền giải quyết:

[1.1] Ngày 17/02/2023, Ủy ban nhân dân phường P nhận được đơn đề ghị hòa giai tranh chấp đất đai đề ngày 14/02/2023 của ông Lê Hữu M.

Ngày 28/3//2023, Chủ tịch Ủy ban nhân dân phường P ban hành Văn bản số 51/UBND-ĐC v/v giải quyết đơn đề nghị hòa giải tranh chấp đất đai của ông M.

Ngày 03/4/2023, Tòa án nhận đơn Đơn khởi kiện ngày 03/4/2023 của ông Lê Hữu M khởi kiện hành vi không tổ chức hòa giải cơ sở tranh chấp đất đai của Chủ tịch Ủy ban nhân dân phường P, thị xã P, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu và Văn bản số 51/UBND-ĐC ngày 28/3/2023 của Ủy ban nhân dân phường P, thị xã P, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu là còn thời hiệu khởi kiện theo quy định tại khoản 2 Điều 116 của Luật tố tụng hành chính.

[1.2] Xét hành vi không tổ chức hòa giải cơ sở tranh chấp đất đai của Chủ tịch Ủy ban nhân dân phường P thể hiện tại Văn bản số 51/UBND-ĐC ngày 28/3/2023 thì thấy: Văn bản số 51/UBND-ĐC ngày 28/3/2023 ban hành để giải quyết đơn đề nghị hòa giải tranh chấp đất đai của ông M, có một phần nội dung *"…Ủy ban nhân dân phường P không có cơ sở hòa giải tranh chấp đất đai theo yêu cầu của ông Lê Hữu M…"* đáp ứng các điều kiện quy định tại khoản 1, 2 Điều 3 của Luật tố tụng hành chính.

Căn cứ khoản 1, 2, 3, 4 Điều 3, khoản 1 Điều 30, khoản 1 Điều 31 của Luật tố tụng hành chính; Điều 202 của Luật đất đai thì hành vi không tổ chức hòa giải cơ sở tranh chấp đất đai của Chủ tịch Ủy ban nhân dân phường P, Văn bản số 51/UBND-ĐC ngày 28/3/2023 phần nội dung: "Ủy ban nhân dân phường P không có cơ sở hòa giải tranh chấp đất đai theo yêu cầu của ông M" là đối tượng khởi

kiện vụ án hành chính, và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã Phú Mỹ, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

Đối với phần nội dung hướng dẫn ông M khiếu nại, khiếu kiện Quyết định số 7367/QĐ-UBND ngày 06/10/2010 tại Văn bản số 51/UBND-ĐC ngày 28/3/2023 không đáp ứng điều kiện quy định tại khoản 2 Điều 3 của Luật tố tụng hành chính, nên Hội đồng xét xử không xem xét phần nội dung này.

[2] Về tư cách tham gia tố tụng: Căn cứ Điều 202 của Luật đất đai, khoản 9 Điều 3 của Luật tố tụng hành chính, người bị kiện được xác định là Chủ tịch Ủy ban nhân dân phường P. Người khởi kiện ông M xác định người bị kiện là Ủy ban nhân dân phường P là chưa phù hợp với quy định pháp luật.

[3] Xét xử vắng mặt đương sự: Tòa án triệu tập hợp lệ tham gia phiên tòa, người bị kiện Chủ tịch Ủy ban nhân dân phường P và người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người bị kiện ông Nguyễn Huy H, bà Ngô Thị Trúc P1; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị K vắng mặt, nhưng có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Người khởi kiện ông Lê Hữu M vắng mặt nhưng có người đại diện theo ủy quyền là ông Huỳnh Ngọc P tham gia phiên tòa. Căn cứ khoản 1 Điều 157, Điều 158 của Luật tố tụng hành chính, Hội đồng xét xử tiến hành phiên tòa xét xử vắng mặt người bị kiện, ông H, bà P, ông M, và bà K.

Về nội dung: Xét yêu cầu khởi kiện của ông M.

[4] Đơn đề nghị hòa giải tranh chấp đất đai ngày 14/02/2023 của ông M, yêu cầu tổ chức hòa giải tranh chấp đất đai giữa ông M và Tổng công ty Đ và khu công nghiệp V đối với quyền sử dụng đất diện tích 2.663,4m^2 thuộc thửa đất số 61, 267, 264 tờ bản đồ số 31 tọa lạc tại phường P, nộp tại Ủy ban nhân dân phường P nơi có đất tranh chấp. Ngày 28/3/2023, phó chủ tịch Ủy ban nhân dân phường P ký thay chủ tịch Ủy ban nhân dân phường P ban hành Văn bản số 51/UBND-ĐC trả lời đơn đề nghị của ông M là đúng thẩm quyền theo quy định tại Điều 202 của Luật Đất đai năm 2013; khoản 5 Điều 36 của Luật tổ chức chính quyền địa phương năm 2015, được sửa đổi bổ sung Luật sửa đổi bổ sung một số điều của Luật tổ chức chính phủ và Luật tổ chức chính quyền địa phương năm 2019.

[5] Về nội dung: Chủ tịch Ủy ban nhân dân phường P không hòa giải tranh chấp đất đai theo đơn yêu cầu của ông M, thì thấy:

Chủ tịch Ủy ban nhân dân phường P căn cứ hồ sơ địa chính thể hiện diện tích 2.663,4m^2 thuộc thửa đất số 61, 267, 264 tờ bản đồ số 31 là đất sông do nhà nước quản lý, ông M không đủ điều kiện bồi thường, hỗ trợ, cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Ông M đã được Tổng công ty Đ và Khu công nghiệp V – TNHH MTV hỗ trợ theo biên bản ngày 13/10/2010; và đã bàn giao đất, mặt bằng cho công ty X dự án khu công nghiệp P mở rộng từ ngày 02/11/2010. Phần đất này hiện đã được Ủy ban nhân dân tỉnh B cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BL 907276 ngày 19/02/2013, để cho rằng ông M không còn quyền, nghĩa vụ sử dụng đất theo khoản 24 Điều 3 của Luật Đất đai năm 2013, thì thấy:

Quyết định số 7367/QĐ-UBND ngày 06/10/2010 của Ủy ban nhân dân huyện T, giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BL 907276 ngày 19/02/2013 đều là quyết định hành chính có thể bị khiếu nại, hoặc khởi kiện theo quy định pháp luật như ý kiến của Chủ tịch Ủy ban nhân dân phường P. Theo người khởi kiện

trình bày ông M đã khiếu nại Quyết định số 7367/QĐ-UBND ngày 06/10/2010 từ năm 2010 đến nay vẫn chưa có kết quả giải quyết khiếu nại.

Xét thấy, quyền sử dụng đất diện tích 2.663,4m^2 thuộc thửa đất số 61, 267, 264 tờ bản đồ số 31 tại xã P, huyện T (nay là phường P, thị xã P), tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu ông M yêu cầu giải quyết tranh chấp giữa ông M và Tổng công ty Đ và Khu công nghiệp V chưa được hòa giải cơ sở tại Ủy ban nhân dân phường nơi có đất.

Căn cứ khoản 24 Điều 3 của Luật đất đai quy định: "*Tranh chấp đất đai là tranh chấp về quyền, nghĩa vụ của người sử dụng đất giữa hai hoặc nhiều bên trong quan hệ đất đai*".

Căn cứ Điều 202 của Luật đất đai quy định: "*1. Nhà nước khuyến khích các bên tranh chấp đất đai tự hòa giải hoặc giải quyết tranh chấp đất đai thông qua hòa giải ở cơ sở.*

2. Tranh chấp đất đai mà các bên tranh chấp không hòa giải được thì gửi đơn đến Ủy ban nhân dân cấp xã nơi có đất tranh chấp để hòa giải.

3. Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã có trách nhiệm tổ chức việc hòa giải tranh chấp đất đai tại địa phương mình; trong quá trình tổ chức thực hiện phải phối hợp với Ủy ban Mặt trận Tổ quốc cấp xã và các tổ chức thành viên của Mặt trận, các tổ chức xã hội khác. Thủ tục hòa giải tranh chấp đất đai tại Ủy ban nhân cấp xã được thực hiện trong thời hạn không quá 45 ngày, kể từ ngày nhận được đơn yêu cầu giải quyết tranh chấp đất đai…".

Căn cứ Điều 203 của Luật đất đai quy định: "*Tranh chấp đất đai đã được hòa giải tại Ủy ban nhân dân cấp xã mà không thành thì được giải quyết như sau:*

1. Tranh chấp đất đai mà đương sự có Giấy chứng nhận hoặc có một trong các loại giấy tờ quy định tại Điều 100 của Luật này và tranh chấp về tài sản gắn liền với đất thì do Tòa án nhân dân giải quyết;

2. Tranh chấp đất đai mà đương sự không có Giấy chứng nhận hoặc không có một trong các loại giấy tờ quy định tại Điều 100 của Luật này thì đương sự chỉ được lựa chọn một trong hai hình thức giải quyết tranh chấp đất đai theo quy định sau đây:

a) Nộp đơn yêu cầu giải quyết tranh chấp tại Ủy ban nhân dân cấp có thẩm quyền theo quy định tại khoản 3 Điều này;

b) Khởi kiện tại Tòa án nhân dân có thẩm quyền theo quy định của pháp luật về tố tụng dân sự;…"

Ông M có đơn đề nghị Chủ tịch Ủy ban nhân dân phường P tổ chức hòa giải tranh chấp đất đai để làm cơ sở khởi kiện tranh chấp đất đai với Tổng công ty Đ và Khu công nghiệp V tại Tòa án. Chủ tịch Ủy ban nhân dân phường P cho rằng ông M không có quyền, nghĩa vụ sử dụng đất đối với phần đất tranh chấp và ban hành Văn bản số 51/UBND-ĐC ngày 28/3/2023 có nội dung không có cơ sở hòa giải tranh chấp đất đai theo đơn của ông M là vi phạm quy định Điều 202, 203 của Luật đất đai.

[6] Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Phú Mỹ, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, yêu cầu khởi kiện của ông M là có căn cứ, Hội đồng xét xử chấp

nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông Lê Hữu M hủy một phần Văn bản số 51/UBND-ĐC ngày 28/3/2023 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân phần nội dung: "Ủy ban nhân dân phường P không có cơ sở hòa giải tranh chấp đất đai theo yêu cầu của ông Lê Hữu M"; hành vi không tổ chức hòa giải tranh chấp đất đai của Chủ tịch Ủy ban nhân dân phường P là trái pháp luật; buộc Chủ tịch Ủy ban nhân dân phường P, thực hiện nhiệm vụ, công vụ theo quy định pháp luật.

[7] Về án phí hành chính sơ thẩm: Yêu cầu khởi kiện của ông Lê Hữu M chấp nhận, người bị kiện Chủ tịch Ủy ban nhân dân phường P phải chịu 300.000 đồng án phí sơ thẩm theo quy định tại Điều 32 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí và lệ phí Tòa án. Hoàn trả cho ông M số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 30, 31, 116, 157,158, 193, khoản 1 Điều 206 và Điều 348 của Luật Tố tụng hành chính; Điều 202, 203 của Luật Đất đai;

Căn cứ Điều 32 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông Lê Hữu M.

1. Hành vi hành chính của Chủ tịch Ủy ban nhân dân phường P, thị xã P, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu không thực hiện tổ chức hòa giải tranh chấp đất đai đối với quyền sử dụng đất diện tích 2.663,4m^2 thuộc thửa đất số 61, 267, 264 tờ bản đồ số 31 tại xã P, huyện T (nay là phường P, thị xã P), tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu theo đơn đề nghị hòa giải tranh chấp đất đai ngày 14/02/2023 của ông Lê Hữu M là trái pháp luật.

2. Hủy một phần Văn bản số 51/UBND-ĐC ngày 28/3/2023 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân, phần nội dung: "*Ủy ban nhân dân phường P không có cơ sở hòa giải tranh chấp đất đai theo yêu cầu của ông Lê Hữu M".*

3. Buộc Chủ tịch Ủy ban nhân dân phường P, thị xã P, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu thực hiện tổ chức hòa giải tranh chấp đất đai đối với quyền sử dụng đất diện tích 2.663,4m^2 thuộc thửa đất số 61, 267, 264 tờ bản đồ số 31 tại xã P, huyện T (nay là phường P, thị xã P), tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu theo đơn đề nghị hòa giải tranh chấp đất đai ngày 14/02/2023 của ông Lê Hữu M theo quy định pháp luật.

4. Về án phí hành chính sơ thẩm: Chủ tịch Ủy ban nhân dân phường P, thị xã P, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu phải nộp 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí hành chính sơ thẩm.

Hoàn trả cho ông Lê Hữu M số tiền 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0006958 ngày 04/4/2023 của Chi cục thi hành án dân sự thị xã Phú Mỹ, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (ngày 09/8/2023), đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu xét xử phúc thẩm. Đối với đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì

thời hạn kháng cáo là 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- TAND tỉnh BR-VT;
- VKSND TX. Phú Mỹ, tỉnh BR-VT;
- Lưu: hồ sơ vụ án, VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Phạm Thị Việt Hà